

THT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1033/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số
giai đoạn 2026 - 2030

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ:.....S.....
	Ngày:.....11.16.120.26.....

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng "2 con số";

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 179/TTr-BKHCN ngày 07 tháng 10 năm 2025, Văn bản số 3683/BKHCN-KTXHS ngày 29 tháng 5 năm 2026 và Văn bản số 3860/BKHCN-KTXHS ngày 04 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 với những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Phát triển kinh tế số và xã hội số là động lực chiến lược thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong kỷ nguyên số. Kinh tế số là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; góp phần chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu. Xã hội số phải bảo đảm tính bao trùm, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội trong kỷ nguyên số.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hình thành phương thức sản xuất mới trong đó dữ liệu trở thành tư liệu sản xuất chính, trí tuệ nhân tạo là công cụ sản xuất chủ yếu, môi trường số là môi trường phát triển an toàn, tin cậy và bảo đảm chủ quyền quốc gia. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo, dẫn dắt thông qua hệ thống thể chế, cơ chế chính sách đồng bộ, hạ tầng số hiện đại, công nghệ chiến lược và nguồn nhân lực chất lượng cao; lấy doanh nghiệp và người dân là trung tâm, là chủ thể sáng tạo và là đối tượng thụ hưởng. Đồng thời tăng cường cơ chế giám sát, thực thi pháp luật hiệu quả, minh bạch, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quyền lợi người tiêu dùng trong môi trường số.

3. Phát triển kinh tế số và xã hội số phải gắn với nâng cao năng lực tự chủ công nghệ của các doanh nghiệp trong nước, bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, dữ liệu cá nhân và chủ quyền số quốc gia. Tập trung nguồn lực phát triển và từng bước làm chủ các công nghệ số trọng điểm, công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, công nghệ bán dẫn, hạ tầng viễn thông thế hệ mới và các công nghệ số tiên tiến khác.

4. Phát triển kinh tế số và xã hội số phải được triển khai đồng bộ, toàn diện và rộng khắp trong mọi ngành, lĩnh vực và đời sống xã hội, bảo đảm tính bền vững và lâu dài. Đồng thời, phát triển kinh tế số và xã hội số gắn kết chặt chẽ với chuyển đổi xanh, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

5. Phát triển kinh tế số và xã hội số gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, góp phần nâng cao vị thế và vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế. Chủ động tiếp thu tri thức, công nghệ nguồn và nguồn lực từ đối tác quốc tế; tham gia tích cực vào các sáng kiến, chuẩn mực và chuỗi giá trị số toàn cầu, từng bước khẳng định

vai trò và vị thế của Việt Nam như một trung tâm công nghệ số năng động trong khu vực.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng nền kinh tế số năng động dựa trên nền tảng số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; từng bước hình thành phương thức sản xuất mới, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động, phát triển xanh và bền vững. Đồng thời, kiến tạo xã hội số văn minh, an toàn và bao trùm, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và thụ hưởng các thành quả của khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, nâng cao chất lượng cuộc sống và hạnh phúc của người dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

a) Về kinh tế số

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP đạt khoảng 30%;
- Hỗ trợ tối thiểu 500.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số;
- Tối thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến;
- Phát triển, thúc đẩy và đưa vào sử dụng tối thiểu 5 sản phẩm số;
- Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GDP;
- Tỷ trọng quy mô đào tạo giáo dục đại học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt 40%.

b) Về xã hội số

- Tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1 Gb/s đạt 100%;
- Mạng băng rộng di động 5G đạt tốc độ tối thiểu 100 Mb/s, phủ sóng 99% dân số;
- 100% công dân Việt Nam từ 14 tuổi trở lên có căn cước, tài khoản định danh điện tử;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 95%;
- Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;
- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực số cơ bản cho tối thiểu 10.000.000

lượt người trong độ tuổi lao động.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Hoàn thiện thể chế, xây dựng hành lang pháp lý đồng bộ, minh bạch, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, xã hội số. Trọng tâm là hoàn thiện thể chế về dữ liệu; phát triển kinh tế dữ liệu; ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các mô hình kinh tế mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thúc đẩy thị trường số cạnh tranh lành mạnh; hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn phù hợp với thông lệ quốc tế; tăng cường điều phối liên ngành và hiệu quả thực thi. Xây dựng, cập nhật và công bố hệ thống chỉ tiêu thống kê, phương pháp đo lường, cơ chế báo cáo và chia sẻ dữ liệu thống kê về kinh tế số.

2. Phát triển hạ tầng số nhanh, đồng bộ, hiện đại, an toàn và bền vững, bảo đảm kết nối số toàn dân và tạo nền tảng cho kinh tế số, xã hội số. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư các hạ tầng số chiến lược và hạ tầng số công cộng thiết yếu; doanh nghiệp phát triển các hạ tầng số khác theo cơ chế thị trường. Đẩy mạnh phát triển hạ tầng băng rộng, 5G và thể hệ mạng di động tiếp theo, Internet vệ tinh quỹ đạo tầm thấp. Phát triển hạ tầng tính toán và lưu trữ dữ liệu gồm trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng phục vụ trí tuệ nhân tạo theo mô hình dịch vụ. Phát triển hạ tầng số tin cậy, bảo đảm an ninh mạng; tối ưu hóa, thông minh hóa hạ tầng truyền thông; thúc đẩy phát triển hạ tầng số xanh, tiết kiệm năng lượng. Tăng cường kết nối, liên thông và công nhận lẫn nhau hạ tầng số công cộng trong nước và quốc tế.

3. Phát triển nền tảng số dùng chung, nền tảng số quốc gia và hệ sinh thái số do Việt Nam làm chủ, ưu tiên giải quyết các bài toán kinh tế, xã hội và môi trường mang tính liên ngành, liên vùng. Thúc đẩy doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất, kinh doanh; hình thành hệ thống dữ liệu thời gian thực, tăng cường chia sẻ và tích hợp dịch vụ. Khuyến khích doanh nghiệp phát triển nền tảng số theo mô hình dịch vụ, mở API, kết nối liên thông, hình thành hệ sinh thái số theo từng ngành, lĩnh vực.

4. Phát triển kinh tế dữ liệu trở thành nguồn lực mới và động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế số. Tập trung xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành; xây dựng mô hình quản trị dữ liệu, trong đó thúc đẩy chia sẻ, kết nối dữ liệu giữa khu vực nhà nước và khu vực tư nhân, tạo điều kiện cho việc khai thác, sử dụng dữ liệu mở, dữ liệu được chia sẻ và dữ liệu đã được xử lý, ẩn danh theo quy định của pháp luật để phát triển sản phẩm, dịch vụ số; phát triển dữ liệu mở và hình thành thị trường dữ liệu bảo đảm phù hợp với khung kiến trúc dữ liệu, khung quản trị, quản lý dữ liệu, từ điển dữ liệu. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về tài sản dữ liệu, quyền sở hữu, khai thác và phân phối giá trị dữ liệu; thí điểm sàn giao dịch dữ liệu và cơ chế lưu chuyển dữ liệu, bao gồm luồng dữ liệu xuyên biên giới phù hợp với quy định về an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Phát triển hạ tầng dữ liệu, công nghiệp dữ liệu và các nền

tăng khai thác, phân tích dữ liệu; tổ chức nghiên cứu, xây dựng phương pháp đo lường kinh tế dữ liệu phục vụ hoạch định chính sách và thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu. Xây dựng các tình huống khai thác, sử dụng, tái sử dụng dữ liệu trong các hoạt động kinh tế - xã hội trên môi trường số.

5. Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao năng suất, tối ưu hóa vận hành và đổi mới phương thức ra quyết định trên dữ liệu, bảo đảm các nguyên tắc về đạo đức trí tuệ nhân tạo, an toàn và bảo vệ quyền riêng tư. Mỗi bộ, ngành, lĩnh vực xác định và triển khai các bài toán trọng điểm có thể giải quyết hiệu quả bằng AI để thí điểm, đánh giá và nhân rộng các mô hình thành công. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận và ứng dụng AI trong sản xuất, kinh doanh, góp phần hình thành hệ sinh thái ứng dụng AI rộng khắp trong nền kinh tế và xã hội.

6. Bảo đảm an ninh mạng để xây dựng niềm tin số trong phát triển kinh tế số và xã hội số. Hoàn thiện thể chế về an ninh mạng theo nguyên tắc an toàn từ khâu thiết kế, phát triển và vận hành hạ tầng số, nền tảng số; triển khai mô hình bảo vệ nhiều lớp, tăng cường giám sát và ứng cứu sự cố. Phổ cập các công cụ, nền tảng bảo vệ người dân và doanh nghiệp trên môi trường số; xây dựng hệ sinh thái tín nhiệm mạng và phát triển thị trường bảo hiểm an ninh mạng. Đồng thời nâng cao năng lực quốc gia về an ninh mạng thông qua việc xây dựng các trung tâm an ninh mạng theo chuẩn quốc tế; ban hành các tiêu chuẩn an toàn cho các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, điện toán đám mây, dữ liệu lớn và các công nghệ tiên tiến khác.

7. Phát triển nguồn nhân lực số toàn diện, bao gồm nhân lực công nghệ số, chuyên gia công nghệ số và lực lượng lao động có năng lực số; phổ cập năng lực số toàn xã hội. Đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ số chiến lược; thúc đẩy học tập suốt đời và chuyển đổi kỹ năng cho người lao động phù hợp với xu thế công nghệ và nhu cầu thị trường lao động. Thúc đẩy các mô hình đào tạo gắn với thực tiễn và doanh nghiệp, tăng cường liên kết giữa cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và cơ sở đào tạo. Phát triển thị trường lao động và cơ chế thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia công nghệ số trong và ngoài nước, lực lượng chuyên trách bảo đảm an ninh mạng phù hợp với đặc thù ngành, lĩnh vực, vùng, miền. Nâng cao năng lực dự báo nhu cầu nhân lực và xu thế nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ; kết nối lao động và việc làm thông qua các nền tảng số ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo.

8. Phát triển công dân số và văn hóa số làm nền tảng xã hội số an toàn, lành mạnh và bao trùm. Hình thành công dân số với định danh điện tử, năng lực số an toàn, có trách nhiệm; tăng cường hợp tác quốc tế, thúc đẩy các sáng kiến khu vực về công dân số và công nhận lẫn nhau về năng lực số, tiêu chuẩn nghề nghiệp. Phát triển các nền tảng số và mạng xã hội an toàn, lành mạnh mang bản sắc Việt Nam. Tổ chức đánh giá toàn diện tác động của công nghệ đối với đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa để chủ động kiểm soát, giảm thiểu các tác động tiêu cực do công nghệ mang lại.

Mở rộng các tiện ích trên nền tảng VNeID phục vụ người dân, doanh nghiệp và các hoạt động kinh tế - xã hội; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu khác, từng bước nghiên cứu khả năng liên thông, công nhận lẫn nhau giữa các quốc gia trong khu vực.

9. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trở thành lực lượng nòng cốt, làm chủ công nghệ số chiến lược, phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm “Make in Vietnam” và vươn ra thị trường quốc tế. Phát huy vai trò dẫn dắt của các doanh nghiệp công nghệ lớn, doanh nghiệp nhà nước thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số chủ động áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật về an ninh mạng và tăng cường phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin với cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

10. Phát triển quản trị số quốc gia dựa trên dữ liệu, minh bạch, hiệu quả; đẩy mạnh số hóa, tự động hóa quản lý và cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp. Thúc đẩy ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực; hoàn thiện cơ chế quản trị nền tảng số và thử nghiệm chính sách; tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả giám sát, đánh giá.

11. Thúc đẩy phát triển các thị trường hiện đại phục vụ kinh tế số, trong đó tập trung vào thị trường đổi mới sáng tạo và công nghệ, thị trường dữ liệu, thị trường tín chỉ carbon, sàn giao dịch tài sản và hệ thống các tổ chức định giá độc lập, trung tâm phân tích và cảnh báo rủi ro chuỗi cung ứng; bảo đảm vận hành minh bạch, an toàn, hiệu quả, công bằng.

12. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

a) Nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp số trên cơ sở tích hợp công nghệ số, dữ liệu và quản trị thông minh vào toàn bộ chuỗi giá trị “từ đồng ruộng đến bàn ăn”. Đẩy mạnh ứng dụng IoT, cảm biến, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu trong sản xuất nông nghiệp chính xác; phát triển các nền tảng số nông nghiệp, sàn giao dịch nông sản và hệ thống truy xuất nguồn gốc, dự báo thị trường. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin ngành nông nghiệp phục vụ quản lý và sản xuất; hình thành hệ sinh thái nông nghiệp số gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân, thúc đẩy tiếp cận tài chính số, thị trường số và dịch vụ số, hướng tới nông nghiệp xanh, thông minh và bền vững.

b) Tài nguyên và môi trường

Phát triển kinh tế số gắn với mục tiêu phát triển xanh, bền vững. Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, tài nguyên và môi trường; triển khai các nền tảng số giám sát môi trường tích hợp IoT, dữ liệu viễn thám và trí tuệ nhân tạo để thu thập, phân tích dữ liệu và cảnh báo ô nhiễm. Phát triển hệ thống bản đồ số, hạ tầng quan sát trái đất và ứng dụng vệ tinh tầm thấp phục vụ

quản lý tài nguyên, môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu; xây dựng hệ thống thông tin quản lý biển, hải đảo. Phát triển các nền tảng số kiểm kê khí nhà kính, thị trường tín chỉ carbon và đào tạo nguồn nhân lực dữ liệu phục vụ quản lý tài nguyên, môi trường.

c) Du lịch

Ứng dụng công nghệ số phục vụ quản trị, vận hành hiệu quả các cơ sở du lịch (lưu trú - lữ hành - ăn uống - điếm đến), nâng cao trải nghiệm của du khách; phát triển nền tảng dữ liệu số du lịch quốc gia. Xây dựng các hệ thống thông tin quảng bá và xúc tiến du lịch quốc gia, trong đó đa dạng hóa hình thức du lịch thông qua các chương trình du lịch số, du lịch thực tế ảo; áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo hướng tới hình thành các điểm đến thông minh và cá nhân hóa trải nghiệm. Phát triển nhân lực ngành du lịch có kỹ năng sử dụng các nền tảng quản trị, kinh doanh du lịch và các kỹ năng theo tiêu chuẩn nghề du lịch trong nước và ngoài nước.

d) Văn hóa, thể thao

Phát triển văn hóa số, thể thao số nhằm thúc đẩy công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí, lan tỏa bản sắc Việt Nam và tạo động lực tăng trưởng kinh tế. Đẩy mạnh số hóa di sản, di tích, bảo tàng, thư viện, tác phẩm văn học, nghệ thuật và dữ liệu thể thao; xây dựng, kết nối, chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu văn hóa, thể thao với các cơ sở dữ liệu khác. Phát triển nền tảng số, ứng dụng AI, 3D/VR trong sáng tạo, phân phối, trải nghiệm, huấn luyện, quản lý và khai thác thương mại; tăng cường bảo vệ bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ, thực hiện ứng xử văn hóa trên môi trường số và khuyến khích doanh nghiệp phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa, mô hình kinh doanh mới trên môi trường số. Hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo văn hóa - sáng tạo nội dung và không gian sáng tạo mở để tăng cường khả năng tiếp cận, sáng tạo và thụ hưởng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa cho người dân, tạo động lực tăng trưởng kinh tế.

đ) Thương mại

Phát triển kinh tế số trong thương mại, lấy thương mại điện tử và tiêu dùng số làm động lực; thúc đẩy chuyển đổi số hoạt động kinh doanh, phân phối và xuất khẩu trực tuyến. Phát triển hệ sinh thái thương mại điện tử nội địa gắn với logistics số, thanh toán số, định danh, xác thực điện tử, truy xuất nguồn gốc và tối ưu hóa chuỗi cung ứng. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, cơ sở sản xuất địa phương tham gia sản thương mại điện tử, nâng cao năng lực kinh doanh số, marketing số và xây dựng thương hiệu số. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu, khai thác Cơ chế một cửa quốc gia, Cơ chế một cửa ASEAN; khuyến khích hợp đồng điện tử, chứng từ điện tử, chữ ký số, phát triển cơ sở dữ liệu thị trường, cơ sở dữ liệu bảo vệ người tiêu dùng và đào tạo nhân lực số cho thương mại, xuất nhập khẩu, thanh toán và logistics.

e) Logistics

Tối ưu hóa logistics toàn trình thông qua ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số toàn diện các khâu trong toàn bộ chuỗi quá trình đưa hàng hóa từ nơi sản xuất đến tận tay người tiêu dùng; hình thành chuỗi cung ứng minh bạch, hiệu quả và có khả năng cạnh tranh cao. Thúc đẩy các nền tảng quản trị và kinh doanh logistics hỗ trợ doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp logistics nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng; triển khai thử nghiệm mô hình cảng mở và khu thương mại tự do (FTZ). Đào tạo nhân lực có kỹ năng quản trị, vận hành giải pháp logistics, cảng biển, cửa khẩu, hải quan, khu thương mại tự do.

g) Công nghiệp chế biến, chế tạo

Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại để thực hiện chuyển đổi các nhà máy trở thành các nhà máy thông minh phù hợp với xu hướng phát triển xanh.

Hỗ trợ doanh nghiệp và các cụm công nghiệp chuyển đổi số, ứng dụng các nền tảng quản lý sản xuất (ERP, MES, SCADA), triển khai Internet vạn vật trong công nghiệp (IIoT) và trí tuệ nhân tạo trong giám sát, kiểm soát chất lượng. Hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ thuật về hạ tầng kết nối, định danh thiết bị và an ninh mạng trong sản xuất; đẩy mạnh quan trắc môi trường, quản trị năng lượng thông minh, áp dụng công nghệ carbon thấp, sản xuất sạch theo các tiêu chuẩn ESG. Đào tạo nguồn nhân lực cho sản xuất thông minh, quản trị số trong công nghiệp và đào tạo chuyên gia có năng lực thiết kế, triển khai, vận hành nhà máy thông minh.

h) Năng lượng

Ưu tiên hiện đại hóa hạ tầng điện lực, phát triển lưới điện thông minh nhằm nâng cao độ tin cậy cung cấp điện, tối ưu hóa quản lý tiêu thụ và tích hợp hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo. Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong dự báo phụ tải, dự báo sản lượng điện gió, điện mặt trời và tự động hóa lưới điện truyền tải, phân phối. Phát triển hệ thống quản lý năng lượng phân tán (DERMS) và triển khai công tơ điện thông minh thu thập dữ liệu theo thời gian thực, góp phần tối ưu hóa và tiết kiệm điện.

i) Giáo dục và đào tạo

Giáo dục phổ thông: Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, hình thành hệ sinh thái giáo dục số kết nối học sinh, gia đình, nhà trường và cơ quan quản lý. Xây dựng cơ sở dữ liệu giáo dục, hồ sơ học tập số, học bạ số, quản lý văn bằng, chứng chỉ gắn với định danh cá nhân và liên thông dữ liệu quốc gia. Phát triển kho học liệu số quốc gia, học liệu mở, sách giáo khoa điện tử, mô phỏng, phòng thí nghiệm ảo; ứng dụng AI trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và cá nhân hóa học tập. Phổ cập năng lực số, STEM/STEAM, AI, rô-bốt; xây dựng môi trường học tập số an toàn, nâng cao năng lực số cho giáo viên và nhân rộng lớp học thông minh, trường học thông minh.

Giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp: Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với nhu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế. Phát triển các cơ sở đào tạo trọng điểm thành hạt nhân đào tạo nhân lực số; xây dựng và triển khai mô hình giáo dục đại học số, cơ chế công nhận, tích lũy và chuyển đổi kết quả học tập theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và thông lệ quốc tế. Xây dựng chuẩn đầu ra về năng lực số theo từng cấp học, trình độ đào tạo, từng bước tiệm cận chuẩn khu vực ASEAN và quốc tế, hướng tới thúc đẩy công nhận lẫn nhau về năng lực số giữa Việt Nam và các quốc gia. Xây dựng hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực quốc gia, kết nối với dữ liệu thị trường lao động, việc làm. Đầu tư trung tâm đào tạo chuyên sâu về AI, bán dẫn, công nghệ chiến lược; thu hút chuyên gia quốc tế, nhà khoa học đầu ngành, người Việt Nam ở nước ngoài và nhân lực trình độ cao tham gia đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

k) Lao động và việc làm

Hiện đại hóa quản lý và phát triển thị trường lao động số minh bạch, hiệu quả trên nền tảng dữ liệu. Xây dựng cơ sở dữ liệu người lao động kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; phát triển các nền tảng giao dịch việc làm trực tuyến, nền tảng hợp đồng lao động điện tử và phổ cập số lao động điện tử. Đẩy mạnh số hóa công tác an toàn, vệ sinh lao động gắn với hệ thống bảo hiểm và an sinh xã hội; công bố định kỳ dự báo nhu cầu nhân lực để định hướng đào tạo. Hoàn thiện chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, lồng ghép năng lực số và năng lực xanh.

l) An sinh xã hội

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực an sinh xã hội, chuyển từ quản lý thủ công sang quản trị dựa trên dữ liệu nhằm bảo đảm chính sách được thực hiện kịp thời, minh bạch, đúng đối tượng. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm mỗi đối tượng thụ hưởng được định danh điện tử để quản lý thống nhất. Đẩy mạnh chi trả các chế độ an sinh xã hội không dùng tiền mặt; phát triển các nền tảng và ứng dụng số hỗ trợ người yếu thế, người cao tuổi, người khuyết tật tiếp cận thuận lợi các dịch vụ an sinh và dịch vụ công.

m) Bảo hiểm xã hội

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội số dựa trên quản trị dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và bảo đảm quyền lợi của người tham gia. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm xã hội với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu liên quan; từng bước dữ liệu hóa toàn bộ vòng đời bảo hiểm xã hội. Đẩy mạnh liên thông dữ liệu giữa bảo hiểm xã hội với cơ quan thuế, đăng ký doanh nghiệp và các cơ quan liên quan nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, hạn chế trốn đóng và nợ đóng bảo hiểm xã hội.

n) Y tế

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế, xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu y tế, bảo hiểm y tế, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ từ trung ương đến cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, khám bệnh, chữa bệnh và bảo hiểm y tế. Triển khai sở sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử gắn với định danh điện tử của người dân. Phát triển các nền tảng y tế số phục vụ quản lý và cung cấp dịch vụ như quản lý hành nghề, đơn thuốc điện tử, tiêm chủng và khám bệnh, chữa bệnh từ xa và các dịch vụ y tế số cơ bản khác. Tăng cường đào tạo nhân lực y tế số và thúc đẩy ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số tiên tiến trong chẩn đoán, điều trị, theo dõi sức khỏe và quản lý y tế, bảo hiểm.

o) Xây dựng và giao thông vận tải

Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực xây dựng và giao thông vận tải trên cơ sở số hóa toàn bộ vòng đời công trình (quy hoạch, thiết kế, thi công, vận hành); ứng dụng mô hình thông tin công trình (BIM), tiến tới hình thành các bản sao số đối với các công trình, đô thị và hạ tầng trọng điểm; phát triển đô thị thông minh và giao thông thông minh (điều khiển thông minh, thu phí không dừng) tại các đô thị lớn và từng bước mở rộng ra các đô thị khác.

p) Tài chính - Ngân hàng

Phát triển thanh toán số, phổ cập tài chính số nhằm thúc đẩy tài chính toàn diện, tăng tính minh bạch và giảm chi phí giao dịch trong nền kinh tế. Mở rộng các phương thức thanh toán điện tử, đặc biệt là các kênh ngoài ngân hàng như tiền di động (Mobile Money), ví điện tử và các nền tảng thanh toán số; tăng cường cung cấp dịch vụ tài chính số tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Nghiên cứu thử nghiệm tiền kỹ thuật số của Ngân hàng Trung ương (CBDC) và triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong lĩnh vực ngân hàng cho các mô hình công nghệ tài chính mới; nâng cấp hệ thống thanh toán quốc gia theo tiêu chuẩn quốc tế và thúc đẩy kết nối thanh toán số trong nước, xuyên biên giới.

q) Các ngành, lĩnh vực khác

Các ngành, lĩnh vực khác, căn cứ mục III của Quyết định này, xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số phù hợp với định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực mình.

13. Tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương với doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở đào tạo và các chủ thể kinh tế trong đầu tư, xây dựng, khai thác hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu và dịch vụ số; phát triển nguồn nhân lực số; triển khai thử nghiệm có kiểm soát với công nghệ, dịch vụ mới; tăng cường chia sẻ, nhân rộng các mô hình hiệu quả.

Thu hút công nghệ, tri thức và nhân lực chất lượng cao từ nước ngoài gắn với chuyển giao công nghệ; chủ động tham gia các sáng kiến, thỏa thuận quốc tế về kinh tế số, xã hội số; thúc đẩy xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường quốc

tế cho doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam.

14. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số, xã hội số thông qua các diễn đàn, hội nghị, triển lãm trong nước và quốc tế; lan tỏa hình ảnh Việt Nam chủ động trong kỷ nguyên số gắn với phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa và du lịch. Phát triển các kênh truyền thông, hỗ trợ tư vấn, hỏi đáp và trợ lý ảo nhằm giúp người dân, doanh nghiệp hiểu, tiếp cận, sử dụng và hưởng lợi hiệu quả từ công nghệ số.

15. Chủ động nghiên cứu, tiếp thu kinh nghiệm quốc tế, cập nhật các xu hướng công nghệ mới và mô hình phát triển tiên tiến để kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế số và xã hội số; bảo đảm Chương trình có tính mở, linh hoạt và thích ứng cao trong bối cảnh chuyển đổi số toàn cầu.

(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí để thực hiện Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 bao gồm:

- Nguồn ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các quy định pháp luật có liên quan bao gồm các nguồn chi ngân sách được bố trí trực tiếp theo dự toán và các nguồn chi được thực hiện thông qua các Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan;

- Nguồn vốn vay, đóng góp, tài trợ, đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bao gồm Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp và các quỹ, nguồn tài chính ngoài ngân sách hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

- Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung chi thực hiện Chương trình bao gồm:

a) Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tại Mục III Điều 1 và Phụ lục của Quyết định này;

b) Các hoạt động thực hiện quản lý, điều phối, tổng hợp, đánh giá, báo cáo, sơ kết, tổng kết và tổ chức triển khai Chương trình theo quy định của pháp luật;

3. Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Chương trình bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tổ chức triển khai Chương trình; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai Chương trình; đề xuất sửa đổi, bổ sung Chương trình khi cần thiết;

b) Phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số của ngành, lĩnh vực, địa phương;

c) Hướng dẫn, rà soát, tổng hợp chung kinh phí thực hiện Chương trình trong phương án dự toán chi ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gửi Bộ Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

d) Chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết; phối hợp với các cơ quan liên quan phát động phong trào thi đua, khen thưởng và kịp thời biểu dương các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế số và xã hội số;

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Quyết định này;

e) Chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo, đề xuất và kiến nghị tại Tờ trình số 179/TTr-BKHCN ngày 07 tháng 10 năm 2025, Văn bản số 3683/BKHCN-KTXHS ngày 29 tháng 5 năm 2026 và Văn bản số 3860/BKHCN-KTXHS ngày 04 tháng 6 năm 2026.

2. Bộ Tài chính

a) Chủ trì cân đối nguồn ngân sách nhà nước cho lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tổng hợp phương án đề xuất dự toán chi lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (bao gồm việc bố trí kinh phí thực hiện Chương trình này) trên cơ sở đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ, trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xã hội số ngành, lĩnh vực, địa phương được

giao tại Quyết định này;

b) Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép đầy đủ trong các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả; bố trí nguồn lực, tổ chức đo lường các mục tiêu, chỉ tiêu được giao; xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định;

c) Định kỳ trước 20/12 hằng năm gửi thông tin về tình hình, kết quả triển khai thực hiện về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chỉ đạo, phối hợp Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam xây dựng kế hoạch hành động, huy động đoàn viên, hội viên tham gia triển khai Chương trình, đặc biệt trong phổ cập năng lực số, phát triển công dân số và tham gia hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số.

5. Các doanh nghiệp công nghệ số

a) Doanh nghiệp viễn thông, ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng số, hạ tầng bu chính rộng khắp;

b) Doanh nghiệp công nghệ số phát triển nền tảng số, tích hợp trí tuệ nhân tạo nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và trải nghiệm người dùng; bảo đảm an ninh mạng cho các nền tảng số, dịch vụ số;

c) Phối hợp với các bộ, ngành, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cập nhật, phát triển các chương trình đào tạo công nghệ số, điện tử - viễn thông, an ninh mạng; tham gia triển khai, nhân rộng mô hình “học từ làm”.

6. Các doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế:

a) Phát huy vai trò tiên phong trong đổi mới sáng tạo và dẫn dắt chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực then chốt;

b) Xây dựng và triển khai các chương trình chuyển đổi số toàn diện, hình thành các mô hình sản xuất, kinh doanh tiên tiến trên môi trường số, phát triển và làm chủ các nền tảng số, dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và công nghệ lõi, công nghệ chiến lược;

c) Khuyến khích tham gia phát triển, chia sẻ và khai thác hạ tầng dữ liệu dùng chung, hạ tầng số và nền tảng số theo điều kiện thực tế bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật; hỗ trợ hệ sinh thái doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tham gia chuyển đổi số theo chuỗi giá trị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg,
TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục;
- Lưu: VT, CDS (2). 66

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Quốc Dũng



Phụ lục I

**HỆ THỐNG MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU THUỘC CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**
(kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2026
của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU QUỐC GIA ĐẾN 2030

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì đo lường	Cơ quan phối hợp/ thúc đẩy
Chỉ tiêu kinh tế số			
1	Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GDP đạt khoảng 30%	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh
2	Hỗ trợ tối thiểu 500.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan
3	Tối thiểu có 5 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan
4	Phát triển, thúc đẩy và đưa vào sử dụng tối thiểu 5 sản phẩm	Bộ Công an	Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan
5	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GDP	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan
6	Tỷ trọng quy mô đào tạo giáo dục đại học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) đạt 40%	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở đào tạo các trình độ của giáo dục đại học
Chỉ tiêu xã hội số			
1	Tỷ lệ hộ gia đình được tiếp cận mạng Internet băng rộng cáp quang với tốc độ 1Gb/s đạt 100%	Bộ Khoa học và Công nghệ	UBND cấp tỉnh; Doanh nghiệp viễn thông
2	Mạng băng rộng di động 5G đạt tốc độ tối thiểu 100Mb/s, phủ sóng 99% dân số	Bộ Khoa học và Công nghệ	UBND cấp tỉnh; Doanh nghiệp viễn thông
3	100% công dân Việt Nam từ 14 tuổi trở lên có căn cước, tài khoản định danh điện tử	Bộ Công an	UBND cấp tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì đo lường	Cơ quan phối hợp/ thúc đẩy
4	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 95%	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các ngân hàng; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mobile money
5	Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Công an
6	Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu 10.000.000 lượt người trong độ tuổi lao động	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ; UBND cấp tỉnh; doanh nghiệp công nghệ số

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU NGÀNH, LĨNH VỰC ĐẾN 2030

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì đo lường	Cơ quan phối hợp/ thúc đẩy
1	Phần đầu 70% xã có hợp tác xã ứng dụng giải pháp công nghệ số, nền tảng số phục vụ quản trị, vận hành	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan
2	Tỷ lệ cơ sở du lịch sử dụng nền tảng số phục vụ quản trị, kinh doanh du lịch đạt tối thiểu 70%	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan
3	Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 15-17%	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan
4	Phần đầu đạt 45% số doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan
5	Tối thiểu 200 doanh nghiệp được hướng dẫn, triển khai các giải pháp chuyển đổi số, phát triển sản xuất thông minh	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan
6	Số lượng doanh nghiệp dịch vụ logistics sử dụng các giải pháp chuyển đổi số đạt 80% số doanh	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì đo lường	Cơ quan phối hợp/ thúc đẩy
	ngành logistics Việt Nam		ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan
7	Phần đầu đạt 100% trạm biến áp 220kV vận hành theo mô hình không người trực và từng bước thực hiện chuyển đổi thao tác xa đối với các trạm biến áp 500kV	Bộ Công Thương	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
8	Tỷ lệ lắp đặt công tơ đo xa sử dụng trên lưới điện và cho khách hàng sử dụng điện phần đầu đạt 95%	Bộ Công Thương	Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
9	Tỷ lệ các cảng biển loại 1 và loại đặc biệt triển khai nền tảng quản trị, khai thác cảng phần đầu đạt 100%	Bộ Xây dựng	UBND cấp tỉnh có liên quan; doanh nghiệp cảng
10	Hình thành và đưa vào vận hành tối thiểu 03 cửa khẩu thông minh tại các cửa khẩu quốc tế trọng điểm	UBND các tỉnh Lạng Sơn, Lào Cai, Quảng Ninh	Bộ Tài chính
11	Trên 90% bệnh viện có thực hiện hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh/khám bệnh, chữa bệnh từ xa hoặc hội chẩn, tư vấn từ xa	Bộ Y tế	Các cơ sở y tế
12	Phần đầu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử đạt 100%	Bộ Y tế	Bộ Công an; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan
13	100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc hoàn thành triển khai hồ sơ bệnh án điện tử	Bộ Y tế	Các cơ sở khám chữa bệnh
14	Tỷ lệ các trường phổ thông (tiểu học, THCS, THPT) sử dụng nền tảng số trong quản trị, dạy học và sử dụng học bạ số đạt 100%	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục phổ thông
15	Tỷ lệ học sinh phổ thông được tiếp cận các nền tảng giáo dục số, giáo dục STEM/STEAM đạt tối thiểu 80%	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục phổ thông



Phụ lục II

**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ
GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-TTg ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
I	Hoàn thiện thể chế, hành lang pháp lý				
1	Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tư pháp; các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan	Nghị định và các văn bản hướng dẫn được cấp có thẩm quyền ban hành	2026
2	Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thương mại điện tử.	Bộ Công Thương	Bộ Tư pháp; các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan	Nghị định và các văn bản hướng dẫn được cấp có thẩm quyền ban hành	2026
3	Xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh tranh, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	Bộ Công Thương	Bộ Tư pháp; các bộ, ngành liên quan	Các Luật được Quốc hội thông qua	2026 - 2027
4	Hoàn thiện pháp luật tạo nền tảng phát triển kinh tế không gian tầm thấp (Luật Quản lý phương tiện bay không người lái (UAV)...).	Bộ Quốc phòng; Bộ Công an;	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Xây dựng; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Luật, Nghị định và các văn bản hướng dẫn được cấp có thẩm quyền ban hành	2027 - 2028

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
5	Xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định hoạt động của Sàn dữ liệu.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Nghị định và các văn bản hướng dẫn hoạt động của Sàn dữ liệu được cấp có thẩm quyền ban hành	Quý II/2026
6	Tổ chức nghiên cứu, đo lường đóng góp của kinh tế dữ liệu trong GDP.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Báo cáo kết quả nghiên cứu	2027
7	Xây dựng, hoàn thiện khung pháp lý quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản mã hóa, tài sản số.	Bộ Tài chính	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Nghị định và các văn bản hướng dẫn được cấp có thẩm quyền ban hành	Thường xuyên
II	Phát triển hạ tầng số, hạ tầng số công cộng				
8	Chỉ đạo việc phát triển hạ tầng băng rộng, 5G và thế hệ mạng di động tiếp theo, Internet vệ tinh quỹ đạo tầm thấp.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số	Hoàn thành mục tiêu đặt ra tại Quyết định 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024	2030
9	Phát triển, thu hút đầu tư phát triển các trung tâm dữ liệu siêu lớn, trung tâm dữ liệu hỗ trợ ứng dụng trí tuệ nhân tạo, trung tâm dữ liệu biên đạt tiêu chuẩn quốc tế, an toàn, bền vững, theo tiêu chuẩn xanh.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp công nghệ số	Hoàn thành mục tiêu đặt ra tại Quyết định 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024	2030
10	Đầu tư, phát triển, mở rộng, đưa vào hoạt động các Trung tâm dữ liệu quốc gia theo lộ trình.	Bộ Công an	UBND cấp tỉnh	Các trung tâm dữ liệu quốc gia được xây dựng và đưa	2026-2028: đầu tư, mở rộng

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
				vào vận hành theo lộ trình	2029-2030: đầu tư, phát triển
11	Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.	Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương; Bộ Quốc phòng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp tỉnh	Cảm biến thông minh được tích hợp vào các dự án xây dựng cơ bản	2028
12	Phát triển hạ tầng số công cộng				
a	Kết nối, liên thông và công nhận hạ tầng số công cộng trong ASEAN nhằm góp phần thúc đẩy hội nhập số.	Bộ Công an (Hệ thống định danh và xác thực điện tử); Bộ Khoa học và Công nghệ (Hạ tầng dịch vụ tin cậy)	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	- Các hệ thống được vận hành ổn định, an toàn; - Các thỏa thuận hợp tác được ký kết	Thường xuyên
b	Phát triển Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH) theo chuẩn quốc tế và chuẩn hóa yêu cầu kết nối, đảm bảo kết nối liên thông, xử lý xuyên suốt liền mạch	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		Hệ thống được vận hành ổn định, an toàn	Thường xuyên
13	Phát triển hoặc thúc đẩy các nền tảng cung cấp công nghệ số như dịch vụ (AI, blockchain, IoT như dịch vụ).	Bộ Khoa học và Công nghệ (AI, IoT); Bộ Công an (Blockchain)	Doanh nghiệp công nghệ số	Danh mục nền tảng (AI, blockchain, IoT như dịch vụ) đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật, an ninh thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân được khuyến nghị sử dụng trong	2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
				cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và địa phương	
14	Phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số, trọng tâm là công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn.	Bộ Khoa học và Công nghệ	UBND cấp tỉnh	Hạ tầng công nghiệp công nghệ số được phát triển theo quy hoạch	Thường xuyên
III	Phát triển nền tảng số và hệ sinh thái số				
15	Công bố, cập nhật danh mục các sản phẩm, giải pháp công nghệ số, nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số theo ngành, lĩnh vực.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan	Danh mục các sản phẩm, giải pháp công nghệ số, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo phục vụ phát triển kinh tế số được công bố, cập nhật	2027 - 2030
16	Tổ chức các cuộc thi, chương trình tìm kiếm nền tảng số xuất sắc phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Các cuộc thi, diễn đàn, chương trình được tổ chức	Thường xuyên
IV	Phát triển kinh tế dữ liệu				
17	Định kỳ rà soát, cập nhật, bổ sung danh mục các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và quản lý, chỉ đạo điều hành.	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh	Bộ Công an	Danh mục tại Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg; Nghị quyết số 214/NQ-CP năm 2025 được cập nhật	Thường xuyên
18	Phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ sở dữ liệu chuyên ngành bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ và khai thác phục vụ hiệu quả	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo Nghị	2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
	công tác tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.			quyết số 214/NQ-CP năm 2025 được phát triển, khai thác, sử dụng và đồng bộ về Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia	
19	Ban hành, triển khai kế hoạch cung cấp dữ liệu mở kèm theo danh mục dữ liệu mở phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Bộ Công an; Bộ Khoa học và Công nghệ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	2026-2027
20	Xây dựng khung chia sẻ dữ liệu công tư bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bí mật kinh doanh, quyền sở hữu trí tuệ và các cam kết hợp đồng hợp pháp của doanh nghiệp; thúc đẩy các doanh nghiệp nền tảng số chia sẻ dữ liệu với cơ quan nhà nước theo thẩm quyền, mục đích, phạm vi, trình tự, thủ tục theo quy định.	Bộ Công an	Các doanh nghiệp nền tảng số	Quyết định của cấp có thẩm quyền	2026
21	Triển khai, thúc đẩy và đưa vào sử dụng tối thiểu 05 sản phẩm.	Bộ Công an	Bộ Tài chính; Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Các sản phẩm dữ liệu được vận hành thử nghiệm	2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
22	Xây dựng kế hoạch tạo lập bộ dữ liệu phục vụ phát triển mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Quý IV/2027
23	Nghiên cứu, xây dựng và triển khai Đề án phát triển kinh tế dữ liệu, công nghiệp dữ liệu.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Văn bản của cấp có thẩm quyền	2026
V	Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)				
24	Cập nhật, ban hành Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Quyết định của cấp có thẩm quyền	2026
25	Tổ chức thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với trí tuệ nhân tạo.	Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Doanh nghiệp, cá nhân	Các hồ sơ đề xuất thử nghiệm có kiểm soát được phê duyệt	Thường xuyên
26	Phát triển ít nhất 07 cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm đào tạo tiên tiến, chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo gắn với nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	07 cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm đào tạo trí tuệ nhân tạo	2030
27	Đầu tư, xây dựng Trung tâm tính toán hiệu năng cao tại Trung tâm dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ, Các bộ, cơ quan ngang bộ	Trung tâm tính toán hiệu năng cao được đầu tư, xây dựng tại	2030

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
				Trung tâm dữ liệu quốc gia	
28	Nghiên cứu, xây dựng chuẩn đầu ra về năng lực số theo từng cấp học, trình độ đào tạo, từng bước tiệm cận chuẩn khu vực ASEAN và quốc tế, hướng tới thúc đẩy công nhận lẫn nhau về năng lực số giữa Việt Nam và các quốc gia.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Báo cáo nghiên cứu	2027
VI	Đảm bảo an ninh mạng				
29	Chiến lược bảo vệ an ninh mạng, an ninh dữ liệu trong kỷ nguyên số.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2026
30	Triển khai đánh giá tín nhiệm mạng, phát triển cơ chế liên kết và hợp tác nhằm xây dựng một không gian mạng an toàn, tin cậy.	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Hoạt động thường xuyên đánh giá tín nhiệm mạng được thực hiện	Thường xuyên
31	Xây dựng tiêu chuẩn an ninh mạng cho các công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, dữ liệu lớn, điện toán lượng tử và blockchain.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ	Tiêu chuẩn được ban hành	2026 - 2030
VII	Phát triển nhân lực số				
32	Rà soát, đề xuất bổ sung danh mục ngành đào tạo và chuẩn năng lực số phù hợp với xu thế công nghệ mới và nhu cầu thị trường lao động.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các trường đại học, cao đẳng	Báo cáo kết quả triển khai và đề xuất	Thường xuyên
33	Xây dựng chương trình đào tạo lại và nâng cao năng lực số cho lực lượng lao động trong các ngành kinh tế phù hợp với nhu cầu thực tế.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ; Các bộ, cơ	Quyết định của cấp có thẩm quyền	2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
			quan ngang bộ		
34	Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp xây dựng và triển khai mô hình đào tạo gắn với thực tiễn và doanh nghiệp.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp	Văn bản hướng dẫn, chỉ đạo triển khai mô hình đào tạo gắn với thực tiễn và doanh nghiệp	2026 - 2030
35	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án	2026
36	Xây dựng chương trình tổng thể về đào tạo nông dân số, nông dân chuyên nghiệp, đội ngũ quản trị hợp tác xã hiện đại, góp phần hình thành lực lượng lao động nông nghiệp có tri thức, kỹ năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; UBND cấp tỉnh	Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt Chương trình	2026
37	Xây dựng chương trình đào tạo 5.000 nhân lực phát triển game Việt Nam phục vụ giáo dục lịch sử, văn hóa Việt Nam.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt Chương trình	2027 - 2028
VIII	Phát triển công dân số, văn hóa số				
38	Rà soát, cập nhật Chương trình phổ cập kiến thức, năng lực số và học liệu số dùng cho học sinh, sinh viên.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công an; các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp	Chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng số và học liệu số được rà soát, cập nhật	2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
			tính có liên quan		
39	Triển khai cung cấp chữ ký số công cộng miễn phí cho người dân thông qua ứng dụng VNeID phục vụ thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến theo quy định pháp luật.	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ	Trên 70% dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử	2030
40	Tổ chức phổ cập năng lực số cơ bản cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin, chuyên trách chuyển đổi số; công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất, kinh doanh; học sinh sinh viên; người dân theo Khung năng lực số.	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Công an	Triển khai theo Kế hoạch tổ chức phong trào “Bình dân học vụ số”	Thường xuyên
IX	Phát triển doanh nghiệp công nghệ số				
41	Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an toàn an ninh mạng.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	2026
42	Triển khai một số khu công nghiệp công nghệ số / khu công nghiệp công nghệ thông tin tập trung theo Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	UBND cấp tỉnh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các khu công nghiệp công nghệ số được triển khai	2026 - 2028
43	Xây dựng Chương trình quốc gia khởi nghiệp sáng tạo dựa trên nền tảng công nghệ.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	2026 - 2027

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
X	Thực hiện quản trị số				
44	Xây dựng và ban hành bộ tiêu chí và khung đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số công nghiệp.	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ tiêu chí và Khung đánh giá được ban hành	2027
45	Cập nhật và công bố hệ thống chỉ tiêu thống kê, phương pháp đo lường, cơ chế báo cáo và chia sẻ dữ liệu thống kê về kinh tế số.	Bộ Tài chính	Bộ Khoa học và Công nghệ	Hệ thống chỉ tiêu thống kê, phương pháp đo lường, cơ chế báo cáo và chia sẻ dữ liệu thống kê về kinh tế số được cập nhật, công bố	2030
XI	Phát triển kinh tế số và xã hội số các ngành, lĩnh vực				
	Nông nghiệp				
46	Xây dựng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực nông nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp tỉnh	Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo được xây dựng	2030
47	Xây dựng hệ thống thông tin thị trường phục vụ công tác quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ nông dân.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp tỉnh	Hệ thống thông tin thị trường được xây dựng và vận hành	2026 - 2030
48	Xây dựng và triển khai Đề án ứng dụng công nghệ viễn thám và dữ liệu viễn thám phục vụ quản lý nông nghiệp – môi trường.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp tỉnh	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường	2027
49	Triển khai hỗ trợ trang trại, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động chính trong lĩnh vực nông nghiệp chuyển đổi số.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính,	Các hoạt động hỗ trợ được triển khai	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
			UBND cấp tỉnh		
50	Nghiên cứu xây dựng, vận hành hiệu quả Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản bảo đảm liên thông với các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Hệ thống được triển khai, vận hành	2026
Tài nguyên, môi trường					
51	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất về đất đai, nước, rừng, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đa dạng sinh học...	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công an; UBND cấp tỉnh	Cơ sở dữ liệu về đất đai, nước, rừng, khoáng sản, khí tượng thủy văn, đa dạng sinh học được hình thành và cập nhật	Thường xuyên
52	Xây dựng hệ thống bản đồ số về đất đai.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	UBND cấp tỉnh	Hệ thống được đưa vào sử dụng	2026 - 2027
53	Thúc đẩy Nền tảng dữ liệu số tài nguyên và môi trường; ban hành tiêu chuẩn dữ liệu và cơ chế chia sẻ dữ liệu tài nguyên – môi trường trong toàn ngành.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Nền tảng số được đưa vào sử dụng	Thường xuyên
54	Xây dựng, triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Khoa học và Công nghệ; UBND cấp tỉnh	Các ứng dụng, nền tảng số được xây dựng, đưa vào sử dụng	2026
55	Xây dựng và vận hành Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính	Hệ thống được đưa vào vận hành	2027

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
56	Phát triển hệ sinh thái sản phẩm, công cụ và dịch vụ kiểm kê phát thải khí nhà kính theo tiêu chuẩn quốc tế; triển khai Chương trình hỗ trợ các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Hệ sinh thái số được công bố	Thường xuyên
57	Xây dựng, thành lập sàn giao dịch các-bon và xây dựng chính sách tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon.	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Sàn giao dịch được đưa vào hoạt động	2027
Du lịch					
58	Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu số chuyên ngành về du lịch; Công bố danh mục dữ liệu mở tạo điều kiện cho doanh nghiệp và cộng đồng khai thác, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới trong lĩnh vực du lịch.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		Cơ sở dữ liệu được tạo lập, phát triển; Danh mục dữ liệu mở được công khai	Thường xuyên
59	Triển khai hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực du lịch chuyển đổi số (lưu trú, lữ hành, ăn uống, điếm đến thông minh...).	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính, UBND cấp tỉnh	Các hoạt động hỗ trợ được triển khai	Thường xuyên
60	Đổi mới mô hình chương trình du lịch thông qua đa dạng hóa hình thức tổ chức tour; phát triển các sản phẩm du lịch số như tham quan ảo, thực tế mở rộng, mô phỏng hành trình và trải nghiệm 360°.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cung cấp tour du lịch qua ứng dụng công nghệ	Thường xuyên
61	Thúc đẩy liên thông các nền tảng du lịch số trong ASEAN; triển khai cơ chế hợp tác "Du lịch số ASEAN" nhằm mang lại trải nghiệm toàn trình (đặt	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ	Nền tảng số trong nước được kết nối với quốc tế	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
	chỗ, thanh toán, bản đồ số, đánh giá dịch vụ, trải nghiệm ảo).				
Văn hóa, thể thao					
62	Nâng cấp, hoàn thiện và thúc đẩy liên thông Nền tảng, cơ sở dữ liệu quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; số hóa di sản văn hóa và cập nhật vào nền tảng số.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Kết nối với các nền tảng, cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về di sản văn hóa, cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về di sản văn hóa.	Thường xuyên
63	Phát triển ứng dụng quốc gia về văn hóa.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND cấp tỉnh	Ứng dụng được đưa vào sử dụng	2026 - 2028
64	Xây dựng và triển khai Đề án về phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành và UBND cấp tỉnh	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	2026
65	Phát triển nền tảng phân phối nội dung số, công cụ bảo vệ bản quyền, ứng dụng phân tích dữ liệu, công nghệ số trong một số lĩnh vực của văn hóa.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	Nền tảng phân phối nội dung số, công cụ bảo vệ bản quyền, ứng dụng phân tích dữ liệu được đưa vào sử dụng	2028
66	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số tiên tiến (như 3D, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR), thực tế hỗn hợp (MR), trí tuệ nhân tạo (AI)...) trong hoạt động số hóa di sản văn hóa để	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bộ Khoa học và Công nghệ	Di sản văn hóa được số hóa, một số giải pháp công nghệ được ứng dụng để phục vụ công	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
	lưu trữ, bảo vệ, quảng bá và phát huy giá trị di sản văn hóa.			tác bảo vệ và phát huy giá trị	
67	Thúc đẩy phát triển nền tảng số “Quản trị và Kinh doanh du lịch”.	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND cấp tỉnh, doanh nghiệp	Nền tảng số được đưa vào sử dụng rộng rãi	2026 - 2028
Thương mại					
68	Tổ chức triển khai Chương trình thúc đẩy thương mại điện tử quốc gia; thương mại điện tử xuyên biên giới.	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Triển khai các hoạt động theo Kế hoạch tổng thể phát triển TMDT quốc gia giai đoạn 2026 - 2030	Thường xuyên
69	Thúc đẩy các cơ sở bán buôn, bán lẻ; hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã chuyển đổi số.	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công Thương	UBND cấp tỉnh	Triển khai các hoạt động thúc đẩy	Thường xuyên
70	Nghiên cứu, thúc đẩy phát triển các mô hình thương mại điện tử theo lĩnh vực chuyên ngành và chuỗi giá trị, ưu tiên các ngành hàng chủ lực có lợi thế cạnh tranh.	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ; Doanh nghiệp	Một số sàn thương mại điện tử chuyên ngành được hình thành	2026 - 2030
71	Duy trì, vận hành, nâng cấp Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá thuộc lĩnh vực Công Thương quản lý; tích hợp, chia sẻ, đồng bộ thông tin, dữ liệu với Công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá quốc gia.	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Hệ thống được duy trì, vận hành, nâng cấp đảm bảo tính ổn định, chính xác	Thường xuyên
72	Ứng dụng công nghệ số trong việc triển khai thử nghiệm mô hình khu thương mại tự do tại một số địa phương có tiềm	UBND cấp tỉnh có liên quan đến triển khai thử nghiệm	Bộ Tài chính; Bộ Công Thương	Một số khu thương mại tự do được đưa vào hoạt động	2026 và các năm tiếp theo

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
	năng (như Đà Nẵng, Hải Phòng...).				
73	Thúc đẩy phát triển nền tảng gian hàng thực tế ảo và nền tảng triển lãm thực tế ảo nhằm hỗ trợ xúc tiến thương mại trong và ngoài nước.	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ; Doanh nghiệp	Một số nền tảng được đưa vào sử dụng	Thường xuyên
74	Phát triển hệ thống hạ tầng logistics cho thương mại điện tử, bao gồm kho hàng, kho lạnh, trung tâm chia chọn và cụm logistics số.	Bộ Công Thương	Địa phương; Doanh nghiệp	Hạ tầng logistics được hình thành, phát triển	Thường xuyên
75	Xây dựng, duy trì, nâng cấp, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	Bộ Công Thương	Bộ Công Thương; UBND cấp tỉnh	Hệ thống tổng đài, cơ sở dữ liệu bảo vệ người tiêu dùng được đảm bảo vận hành thường xuyên, liên tục và hiệu quả.	Thường xuyên
	Logistics				
76	Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về logistics, bao gồm bản đồ số về hạ tầng logistic	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan và hiệp hội liên quan	Cơ sở dữ liệu quốc gia về logistics	2026 - 2030
77	Xây dựng, phát triển các trung tâm logistics lớn, hiện đại gắn với cảng biển, cảng hàng không trung chuyển quốc tế.	Bộ Công Thương	UBND cấp tỉnh	Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	2026 - 2030
78	Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp logistics và doanh nghiệp xuất nhập khẩu chuyển đổi số.	Bộ Công Thương	Các doanh nghiệp	Chương trình được triển khai	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
79	Xây dựng và triển khai các Chương trình, Đề án phát triển cửa khẩu thông minh.	Bộ Tài chính	Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương; Bộ Khoa học và Công nghệ; UBND cấp tỉnh	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình, Đề án	2026 - 2030
80	Xây dựng và thúc đẩy mô hình hải quan số, hải quan thông minh.	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh và hiệp hội liên quan	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	2026 - 2030
81	Duy trì, nâng cấp Hệ thống thông tin một cửa quốc gia và ASEAN đáp ứng yêu cầu kết nối, trao đổi thông tin với hải quan các nước trong khu vực và trên thế giới theo quy định tại các Hiệp định thương mại tự do và các Hiệp định mà Việt Nam ký kết theo đúng lộ trình.	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Hệ thống thông tin một cửa quốc gia và ASEAN được duy trì ổn định, nâng cấp khi cần thiết	Thường xuyên
82	Số hóa chứng từ thuộc hồ sơ hải quan tiến tới phi giấy tờ trong thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh; thúc đẩy mô hình hải quan số, hải quan thông minh.	Bộ Tài chính	Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương; Bộ Khoa học và Công nghệ; UBND cấp tỉnh	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính	2026
Công nghiệp chế biến, chế tạo					
83	Xây dựng cơ sở dữ liệu về chế biến khoáng sản chiến lược, luyện kim.	Bộ Công Thương	Bộ Công an, UBND cấp tỉnh	Cơ sở dữ liệu về chế biến khoáng sản	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
				chiến lược, luyện kim. được xây dựng, cập nhật	
84	Tổ chức các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo, phát triển nhà máy thông minh, tập trung vào các ngành công nghiệp chiến lược, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam.	Bộ Công Thương	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, UBND cấp tỉnh	Các hoạt động hỗ trợ được triển khai theo quy định	Thường xuyên
85	Xây dựng và vận hành Nền tảng dữ liệu số ngành công nghiệp, liên thông giữa các bộ, ngành và địa phương; kết nối trực tiếp doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước với các nhà sản xuất trong và ngoài nước.	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan, doanh nghiệp	Nền tảng được đi vào hoạt động	2026 - 2030
Năng lượng					
86	Xây dựng lưới điện thông minh, quản trị hệ thống điện tiên tiến, phù hợp với xu thế chuyển đổi xanh, giảm phát thải, xu hướng phát triển khoa học công nghệ của thế giới.	Bộ Công Thương	Tập đoàn EVN	Triển khai theo chiến lược phát triển ngành điện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	2026 - 2030
87	Hiện đại hóa hệ thống thông tin dữ liệu, các hệ thống tự động hóa, điều khiển phục vụ công tác điều độ, vận hành hệ thống điện và thị trường điện	Bộ Công Thương	Tập đoàn EVN	Theo mục tiêu đề ra tại bảng mục tiêu ngành, lĩnh vực	2027
Giáo dục và đào tạo					
88	Xây dựng cơ sở dữ liệu học bạ số, văn bằng số cho người học	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan ngang bộ,	Cơ sở dữ liệu được hình	2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
	trên phạm vi toàn quốc theo mã định danh cá nhân.		UBND cấp tỉnh có liên quan	thành, cập nhật	
89	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Đề án Xây dựng Hệ thống Học liệu số quốc gia đối với Giáo dục phổ thông.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ, các UBND cấp tỉnh, các cơ sở giáo dục	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án, triển khai các hoạt động trường học số, lớp học thông minh	2026 - 2027
90	Phát triển hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực quốc gia, kết nối liên thông với hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm và tích hợp thông tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Công an, UBND cấp tỉnh	Hệ thống thông tin được xây dựng	2026
91	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Đề án khuyến khích, huy động các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tham gia bồi dưỡng, đào tạo giáo viên, người học về năng lực số, trí tuệ nhân tạo giai đoạn 2026 – 2035.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	2026
92	Xây dựng Đề án phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục; thúc đẩy ứng dụng các mô hình giáo dục số, giáo dục trí tuệ nhân tạo, quản trị giáo dục thông minh, trường học số, lớp học thông minh.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	2026
93	Phát triển, ứng dụng nền tảng cung cấp các khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOCs) và học liệu số của các khóa học trực tuyến tăng cường công nhận tín chỉ các khóa học trực	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cơ quan, đơn vị liên quan	Các khóa học trực tuyến trên nền tảng MOOCs	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
	tuyển giữa các cơ sở giáo dục đại học.				
94	Lựa chọn các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ số chiến lược, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, dữ liệu lớn, an ninh mạng và công nghệ số lõi trở thành hạt nhân đào tạo nhân lực số.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học trọng điểm, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao về đào tạo nhân lực số	2026 - 2030
Lao động, việc làm					
95	Xây dựng và triển khai Cơ sở dữ liệu người lao động; cập nhật, kết nối, liên thông dữ liệu phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh, doanh nghiệp có liên quan	Cơ sở dữ liệu được hình thành, cập nhật và khai thác	2026
96	Xây dựng, cập nhật, quản lý, duy trì, khai thác, sử dụng Nền tảng hợp đồng lao động điện tử và thúc đẩy người lao động, người sử dụng lao động giao kết, thực hiện hợp đồng lao động điện tử.	Bộ Nội vụ	Các doanh nghiệp	Nền tảng hợp đồng lao động điện tử được xây dựng	2026
An sinh xã hội					
97	Đẩy mạnh thúc đẩy việc triển khai chi trả qua tài khoản (bao gồm tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng, ví điện tử, tài khoản mobile money và các hình thức hợp pháp khác) cho các đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội.	Bộ Nội vụ	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các hoạt động chi trả an sinh xã hội qua tài khoản ngân hàng được thực hiện	Thường xuyên
Bảo hiểm xã hội					
98	Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác phòng, chống lạm dụng, trục lợi quỹ	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Bộ Công an	Các hoạt động ứng dụng công nghệ số trong công tác	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
	bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.			phòng, chống lạm dụng, trực lợi quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế	
Y tế					
99	Xây dựng và triển khai Kế hoạch triển khai số sức khỏe điện tử và bệnh án điện tử giai đoạn 2026 - 2030; chia sẻ, liên thông dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh BHYT với hệ thống giám định bảo hiểm y tế.	Bộ Y tế	Bộ Tài chính; Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Các cơ sở khám chữa bệnh	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Kế hoạch	2026
100	Xây dựng, triển khai Đề án tăng cường nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ trí tuệ nhân tạo trong khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh, quản lý y tế; bệnh viện thông minh.	Bộ Y tế	Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt	2026
Xây dựng					
101	Triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng xây dựng.	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	Các nhiệm vụ được triển khai	Thường xuyên
102	Xây dựng, triển khai Đề án Đô thị thông minh.	06 thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Xây dựng; Bộ Khoa học và Công nghệ	Quyết định của UBND phê duyệt Đề án	2026
Tài chính - Ngân hàng					
103	Xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia trong giai đoạn 2026 - 2030.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp	Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 được phê duyệt	2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
			tỉnh có liên quan		
104	Hình thành hệ sinh thái số và cung ứng đa dạng các sản phẩm, dịch vụ hướng đến các mô hình kinh doanh mới như ngân hàng mở, tài chính nhúng, ngân hàng như một dịch vụ (BaaS),... để cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện, an toàn tiện lợi với chi phí thấp...	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán		Thường xuyên
105	Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách và triển khai thử nghiệm tiền kỹ thuật số của Ngân hàng trung ương (CBDC).	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Bộ Tài chính; Các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan	Báo cáo kết quả nghiên cứu, thử nghiệm	2026 - 2028
106	Triển khai thí điểm vận hành sàn giao dịch tài sản mã hóa, tài sản số.	Bộ Tài chính	Bộ Công an	Sàn giao dịch được đưa vào vận hành thí điểm	2026 - 2030
107	Mở rộng mạng lưới chấp nhận thanh toán và thúc đẩy các kết nối thanh toán xuyên biên giới.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán	Mạng lưới chấp nhận thanh toán được mở rộng, phát triển. Các kết nối thanh toán xuyên biên giới được triển khai.	
Các ngành, lĩnh vực khác					
108	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Chiến lược phát triển và ứng dụng UAV đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cơ quan, đơn vị liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược	2026

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
109	Xây dựng và triển khai Đề án thí điểm phát triển kinh tế tầm thấp phù hợp với xu thế chung của thế giới và điều kiện cụ thể của nền kinh tế Việt Nam.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Quyết định của Thủ tướng phê duyệt Đề án	2027
110	Xây dựng Đề án tổng thể về khai thác, sử dụng có hiệu quả không gian vũ trụ quốc gia.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh có liên quan	Quyết định của Thủ tướng phê duyệt Đề án	2026 - 2027
XII	Hợp tác trong nước, quốc tế				
111	Hoàn thành thủ tục để Việt Nam chính thức tham gia Thỏa thuận Đối tác Kinh tế số (Digital Economy Partnership Agreement).	Bộ Công Thương	Bộ Ngoại giao	Việt Nam chính thức tham gia DEPA	2026 - 2027
112	Phối hợp với các bộ, ngành liên quan đẩy mạnh hợp tác trong triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội số giai đoạn 2026 – 2030; tận dụng tối đa các nguồn lực bên ngoài phục vụ mục tiêu phát triển trong nước.	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh	Bộ Ngoại giao	-	Thường xuyên
XIII	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức				
113	Tổng kết và nhân rộng toàn quốc các mô hình hiệu quả trong phát triển kinh tế số và xã hội số.	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh	Các mô hình được tổng kết, nhân rộng	Thường xuyên
114	Triển khai truyền thông về kinh tế số và xã hội số.	Các cơ quan truyền thông chủ lực	Các bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh	Các hoạt động truyền thông được tổ chức	Thường xuyên
115	Đa dạng hóa các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan	Các tổ chức, cá nhân được	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì theo dõi, thực hiện	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian
	kịp thời, xứng đáng các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thành tích trong phát triển kinh tế số và xã hội số.		ngang bộ, UBND cấp tỉnh	vinh danh, biểu dương, khen thưởng	